

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN HƯNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 47 /TB-UBND

Tân Hưng, ngày 09 tháng 11 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Về việc công khai hồ sơ đăng ký đất**

Theo nội dung Phiếu trả hồ sơ và hướng dẫn số 2098/PTHS-CN.VPĐKĐĐ ngày 26/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hón Quản và hồ sơ trích đo địa chính thửa đất;

Đồng thời để việc cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ đúng đối tượng, hiện trạng sử dụng đất, đảm bảo đúng pháp luật. Nay Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Thông báo đến nhân dân được biết như sau:

Kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2023 UBND xã Tân Hưng niêm yết công khai phần diện tích tăng (do biến động ranh) của **Hộ bà Văn Thị Thanh Xuân, sinh năm: 1957, CCCD: 0481 5700 0752**  
( Có danh sách công khai kèm theo)

Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày ra Thông báo nếu có gì khai báo thêm hoặc khiếu nại đến hồ sơ đăng ký trích đo địa chính thửa đất trên thì nộp về UBND xã, để UBND xã thẩm tra giải quyết.

Thông báo này sẽ được niêm yết tại khu dân cư ấp Hưng Yên, trụ sở UBND xã và trang thông tin của xã trong suốt 15 ngày./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TN&MT huyện;
- Ban ấp Hưng Yên;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



*Võ Văn Thủy*



## BẢN MÔ TẢ RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỬA ĐẤT

Ngày 15 tháng 06 năm 2023, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hớn Quản

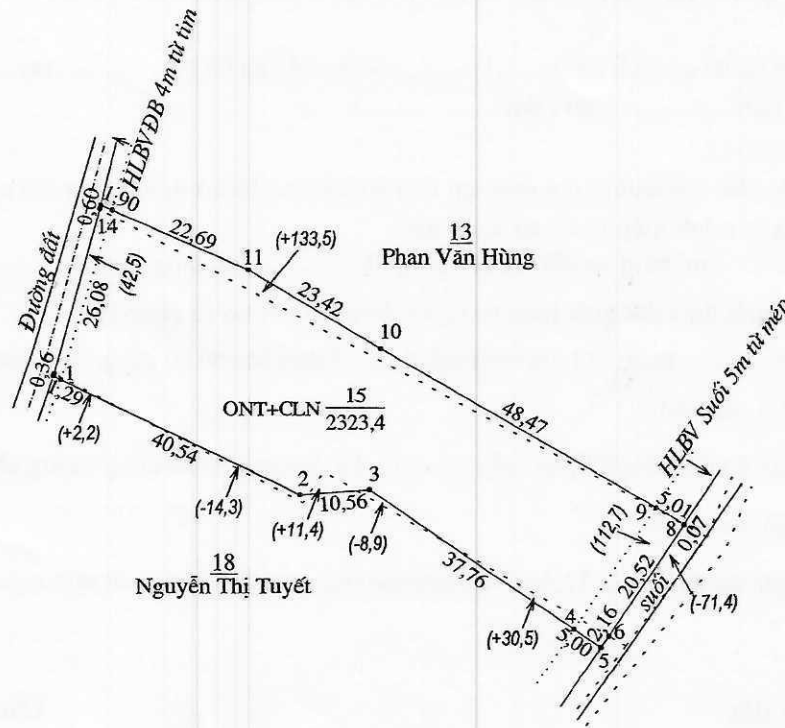
Đã tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa của Ông (bà): Nhân...Thị...Thanh...Xuân

Đang sử dụng đất tại thửa số 16, tờ bản đồ số 16, tại xã Tân...Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Sau khi xem xét hiện trạng về sử dụng đất và ý kiến thống nhất của người sử dụng đất liền kề, Cán bộ đo đạc

đã xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất và lập mô tả ranh giới mốc giới sử dụng đất như sau:

### SƠ HỌA RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỬA ĐẤT



### MÔ TẢ CHI TIẾT MỐC GIỚI, RANH GIỚI THỬA ĐẤT

- Từ điểm 16 đến điểm 1, 2, 3, 4, 5: giáp thửa 18 ranh giới được xác định là cọc bê tông
- Từ điểm 5 đến điểm 6, 7, 8: giáp suối ranh giới được xác định là mép suối
- Từ điểm 8 đến điểm 9, 10, 11, 12, 13: giáp thửa số 13 ranh giới được xác định là cọc bê tông
- Từ điểm 13 đến điểm 14, 15, 16: giáp đường đất ranh giới được xác định là mép đường

**XÃ TÂN HUNG**

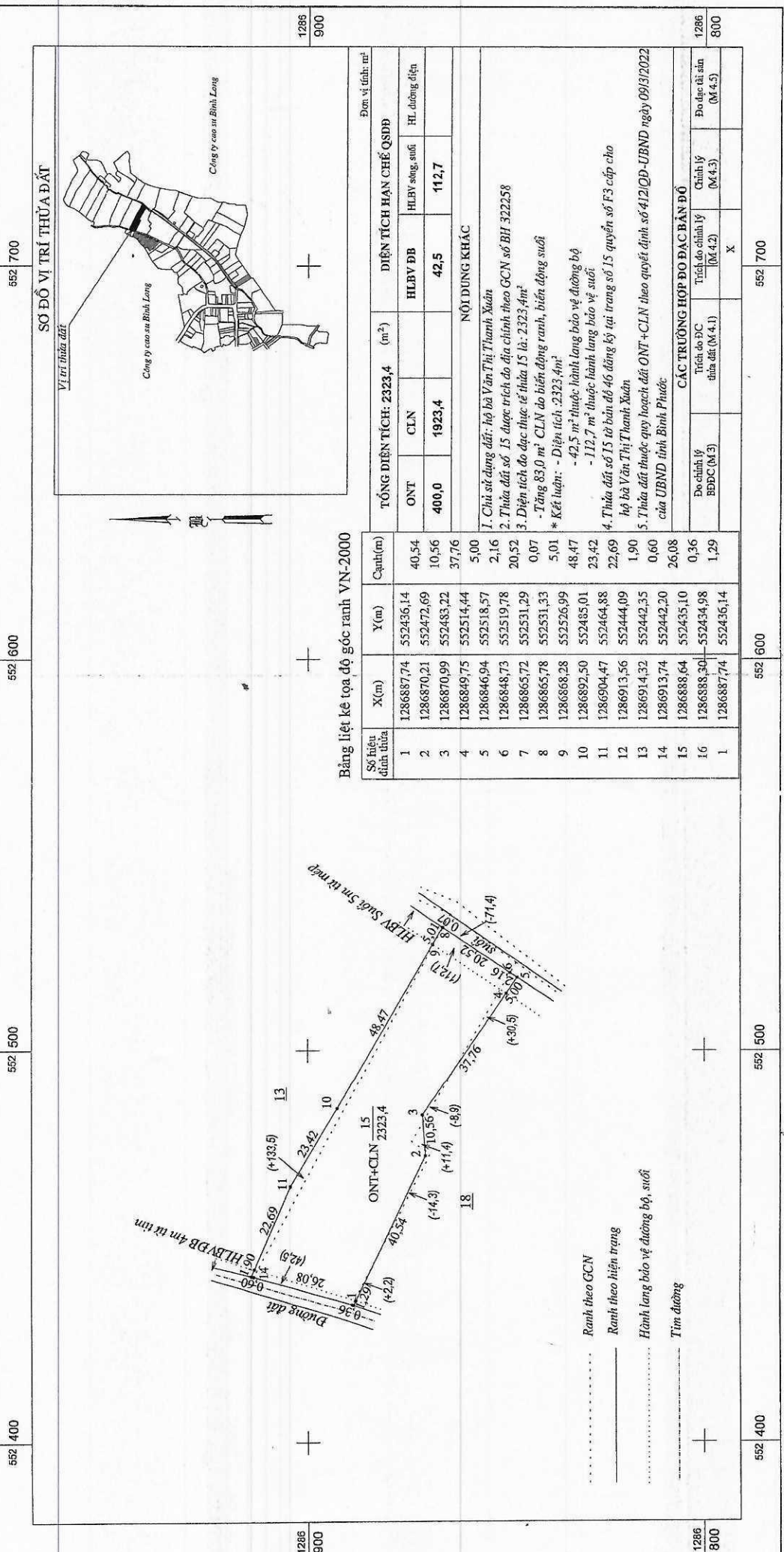
**MÃNH TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH SỐ 5653 - 2023**

CHỦ SỬ DỤNG: HỘ BÀ VĂN HỊ THANH XUÂN

HỆ TOẠ ĐỘ VN-2000, KHU VỰC: ẤP HUNG YÊN, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 46

TỈNH BÌNH PHƯỚC - HUYỆN HÓN QUẢN

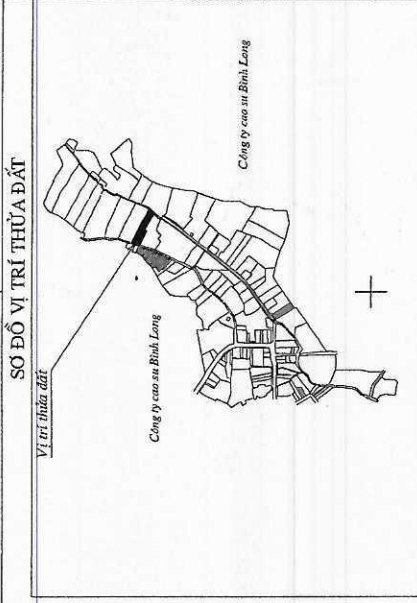
**ĐÃ THU/PHÍ**  
08/11/23 5539  
TĐ 5653-2023



**Bảng liệt kê tọa độ góc ranh VN-2000**

Số hiệu thửa đất	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
1	1286887,74	552436,14	40,54
2	1286870,21	552472,69	10,56
3	1286870,99	552483,22	37,76
4	1286849,75	552514,44	5,00
5	1286846,94	552518,57	2,16
6	1286848,73	552519,78	20,52
7	1286865,72	552531,29	0,07
8	1286865,78	552531,33	5,01
9	1286868,28	552526,99	48,47
10	1286892,50	552485,01	23,42
11	1286904,47	552464,88	22,69
12	1286913,56	552444,09	1,90
13	1286914,32	552442,35	0,60
14	1286913,74	552442,20	26,08
15	1286888,64	552435,10	0,36
16	1286888,30	552434,98	1,29
1	1286887,74	552436,14	

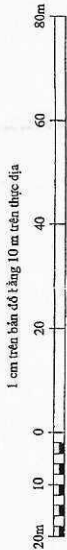
TỔNG DIỆN TÍCH: 2323,4 (m <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH HẠN CHẾ QSDĐ	Đơn vị tính: m <sup>2</sup>
ONT	HLBV ĐB	HLBV sang, suối
400,0	42,5	112,7
<b>NỘI DUNG KHÁC</b>		
1. Chủ sử dụng đất: hộ bà Văn Thị Thanh Xuân		
2. Thửa đất số 15 được trích đo địa chính theo GCN số BH 322258		
3. Diện tích đo đạc thực tế thửa 15 là: 2.323,4m <sup>2</sup>		
- Tổng 83,0 m <sup>2</sup> CLN do biến động ranh, biến động suối		
* Kết luận: - Diện tích: 2323,4m <sup>2</sup>		
- 42,5 m <sup>2</sup> thuộc hành lang bảo vệ đường bộ		
- 112,7 m <sup>2</sup> thuộc hành lang bảo vệ suối		
4. Thửa đất số 15 tờ bản đồ 46 đăng ký tại trang số 15 quyển số F3 cấp cho hộ bà Văn Thị Thanh Xuân		
5. Thửa đất thuộc quy hoạch đất ONT+CLN theo quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Bình Phước		



Duyệt ngày... tháng... năm 2023  
Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hón Quản



TỶ LỆ 1:1000



Ngày... tháng... năm 2023  
Người kiểm tra

Ngày... tháng... năm 2023  
Người đo đạc

(Handwritten signature)

Đo chính lý BDDC (M.3)	Trích đo chính lý thửa đất (M.4.1)	Trích đo chính lý thửa đất (M.4.2)	Chính lý (M.4.3)	Đo đạc tài sản (M.4.5)
		X		

552 400 552 500 552 600 552 700 1286 900 1286 800